Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 3908.10.10

Mã HS	3908.10.10
Mô tả hàng hóa	Các polyamide dạng nguyên sinh / - Polyamide-6, -11, -12, -6,6, -6,9, -6,10 hoặc -6,12: / - - Polyamide-6
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	03/11/2026 11:48:37
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/39081010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K5823
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N5823
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q5823
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E5623
ATIGA	2022	2022	0	AT!E5584
ATIGA	2023	2023	0	AT!F5584
ATIGA	2024	2024	0	AT!G5584
ATIGA	2025	2025	0	AT!H5584
ATIGA	2026	2026	0	AT!I5584
ATIGA	2027	2027	0	AT!J5584
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E5628
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F5628

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G5628
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H5628
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I5628
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J5628
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E5626
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F5626
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G5626
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H5626
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I5626
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J5626
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F5628
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H5590
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F5586
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G5586
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H5586
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I5586
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J5586
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K5586
VKFTA	2022	2022	0	VK!E5597
VKFTA	2023	2023	0	VK!F5597
VKFTA	2024	2024	0	VK!G5597
VKFTA	2025	2025	0	VK!H5597
VKFTA	2026	2026	0	VK!I5597
VKFTA	2027	2027	0	VK!J5597
VCFTA	2022	2022	0	VC!D5636
VCFTA	2023	2023	0	VC!E5636

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F5636
VCFTA	2025	2025	0	VC!G5636
VCFTA	2026	2026	0	VC!H5636
VCFTA	2027	2027	0	VC!I5636
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D5637
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E5637
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F5637
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G5637
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H5637
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I5637
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D5640
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E5640
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F5640
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G5640
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H5640
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I5640
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D5609
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E5609
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F5609
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G5609
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H5609
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I5609
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D5611
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E5611
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F5611
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G5611

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H5611
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I5611
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5609
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5609
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5609
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5609
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5609
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5609
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5609
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D5630
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E5630
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F5630
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G5630
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H5630
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I5630
RCEP B	2022	2022	0	B!D5630
RCEP B	2023	2023	0	B!E5630
RCEP B	2024	2024	0	B!F5630
RCEP B	2025	2025	0	B!G5630
RCEP B	2026	2026	0	B!H5630
RCEP B	2027	2027	0	B!I5630
RCEP C	2022	2022	0	C!D5630
RCEP C	2023	2023	0	C!E5630
RCEP C	2024	2024	0	C!F5630
RCEP C	2025	2025	0	C!G5630
RCEP C	2026	2026	0	C!H5630

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I5630
RCEP D	2022	2022	0	D!D5630
RCEP D	2023	2023	0	D!E5630
RCEP D	2024	2024	0	D!F5630
RCEP D	2025	2025	0	D!G5630
RCEP D	2026	2026	0	D!H5630
RCEP D	2027	2027	0	D!I5630
RCEP E	2022	2022	0	E!D5633
RCEP E	2023	2023	0	E!E5633
RCEP E	2024	2024	0	E!F5633
RCEP E	2025	2025	0	E!G5633
RCEP E	2026	2026	0	E!H5633
RCEP E	2027	2027	0	E!I5633
RCEP F	2022	2022	0	F!D5630
RCEP F	2023	2023	0	F!E5630
RCEP F	2024	2024	0	F!F5630
RCEP F	2025	2025	0	F!G5630
RCEP F	2026	2026	0	F!H5630
RCEP F	2027	2027	0	F!I5630
VIFTA	2024	2024	0	VI!F5189
VIFTA	2025	2025	0	VI!G5189
VIFTA	2026	2026	0	VI!H5189
VIFTA	2027	2027	0	VI!I5189

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3908.10 có 2 dòng thuế; dòng 3908.10.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Polyamide-6.	3908.10.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3908.10.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 3908.10.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N5823), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.